

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 357/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Phong;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 538/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, cư trú: tổ 12, ấp P, xã H, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm: 1984, nơi cư trú: tổ 09, ấp V, xã L, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà T vắng mặt có đơn; ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Ông bà tiến đến hôn nhân là do mai mối, tổ chức đám cưới và có đăng ký hôn tại UBND xã L vào năm 2021. Sau khi kết hôn đến khoảng tháng 02/2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ông C nhiều lần dùng bạo lực để giải quyết vấn đề, được hai bên gia đình can ngăn nhưng chỉ được một thời gian ngắn ông C lại tiếp tục đánh khiến bà T phải đi nhập viện điều trị tại Trung tâm y tế huyện A. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông C được nữa nên bà T yêu cầu ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông Tới.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông C theo quy định nhưng ông C vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà T, ông Tới để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân của Công an xã L ngày 30/6/2022 xác định ông C vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp V, xã L, huyện A, tỉnh An Giang.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Phạm Thị Biên G là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị T cho biết mâu thuẫn đúng như lời bà T trình bày. Gia đình cũng có lên tiếng khuyên ngăn nhưng tình trạng không thay đổi nên bà T quay về nhà mẹ ruột và ly thân với ông C từ đó đến nay. Nay bà nhận thấy bà T không thể tiếp tục chung sống với ông C nên việc bà T xin ly hôn với ông C thì bà đồng ý.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt có đơn; riêng ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Tchung sống với ông C đến năm 2022 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông C hiện đang cư trú tại xã L, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông C tiến đến hôn nhân là do mai mối, được hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 23/12/2021 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông C. Tại phiên tòa hòa giải bà T yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông C. Hội đồng xét xử xét thấy tuy thời gian chung sống và ly thân của ông bà là ngắn nhưng việc ông C thường xuyên bạo lực gia đình dẫn đến ảnh hưởng tâm lý sợ hãi, đào thải việc chung sống với ông C là trầm trọng, khả năng quay lại chung sống là không có nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tiến C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45 ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006988 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/8/2022), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện A (2);
- THADS huyện A (1);
- UBND xã L (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Thị Thảo Ngân